



VERTICAL TRANSFER SYSTEM VTS SERIES

Dòng sản phẩm Hệ thống vận chuyển dọc VTS - Sơ đồ giới thiệu thiết bị chính

Các chuyên gia vận chuyển dọc sẽ thỏa mãn mọi nhu cầu của quý khách hàng.

Chín người thì mười ý, phương thức quản lý và vận hành của các cơ sở vận chuyển hàng hóa cũng thiên biến vạn hóa.

Vậy nên, băng tải dọc cũng được tùy biến linh hoạt để phù hợp với từng nơi.

Tối ưu hóa chính là giá trị cốt lõi của HOKUSHO.

Vertical Continuous
Transfer Conveyor
VERTILATOR

Vertical Reciprocating
Transfer Conveyor
AUTOLATOR

Vertical Sorting
Transfer Conveyor
HIGH-TRAY



Dòng sản phẩm VTS - Sơ đồ phân loại thiết bị

Hệ thống vận chuyển dọc (băng tải dọc) là gì?

Đây là cơ cấu vận chuyển dành riêng cho hàng hóa với tuyến vận chuyển theo phương thẳng đứng, có kết cấu bao gồm bộ phận vận chuyển dọc (bộ phận chính thực hiện công năng vận chuyển dọc) có gắn cơ cấu nâng hạ cụm tiếp nhận tải trọng, và bộ phận vận chuyển ngang (băng tải xếp/dỡ hoặc thiết bị xếp/dỡ) có gắn cơ cấu xuất nhập hàng để bốc dỡ hàng hóa từ cụm tiếp nhận tải trọng. Đây là các thiết bị vận chuyển đồng bộ với chế độ điều khiển tự động. *Thiết bị được thiết kế chuyên dùng cho hàng hóa, nên **tuýt đối không để chở người**.



*Các thiết bị được giới thiệu trong sơ đồ phân loại này không phải là toàn bộ các chủng loại thiết bị.

Hình dạng/trọng lượng tiêu chuẩn của kiện hàng được vận chuyển

Tên phân loại theo tiêu chuẩn JIS (loại thiết bị, tên sản phẩm)

Chức năng theo phân loại thiết bị và tên sản phẩm/mã cơ bản

Tải trọng vận chuyển tối đa

Năng lực vận chuyển tiêu chuẩn

Phương thức nâng hạ

Hình ảnh phân tầng xử lý và phương thức hướng vận chuyển

Kiện hàng trọng lượng nhẹ

(Trọng lượng tiêu chuẩn ~50kg)

V Tên phân loại theo tiêu chuẩn JIS: băng tải trượt dọc
Tên thiết bị: Máy vận chuyển dọc liên tục
Tên sản phẩm: VERTILATOR

A Tên phân loại theo tiêu chuẩn JIS: băng tải dọc hai chiều
Tên thiết bị: Máy vận chuyển dọc hai chiều
Tên sản phẩm: AUTOLATOR

H Tên phân loại theo tiêu chuẩn JIS: băng tải khay dọc
Tên thiết bị: Máy vận chuyển dọc và phân chia hàng
Tên sản phẩm: HIGH-TRAY

<Đối với vận chuyển thùng hộp>Máy vận chuyển dọc liên tục dùng đai nâng hạ Dây đai Vertilator VBS14 B
<Đối với vận chuyển thùng hộp>Máy vận chuyển dọc liên tục dùng pa lăng xích nâng hạ Vertilator Kiểu S VES11 C
<Đối với vận chuyển thùng hộp>Máy vận chuyển dọc liên tục dùng pa lăng xích nâng hạ Vertilator Kiểu F VEF11 C
<Đối với vận chuyển thùng hộp>Máy vận chuyển dọc liên tục dùng pa lăng xích nâng hạ và có thể lựa chọn tuyến vận chuyển Kiểu đa tầng Vertilator VSVF C
<Đối với vận chuyển thùng hộp>Máy vận chuyển dọc hai chiều dùng đai nâng hạ Dây đai Autolator AEF B
<Đối với vận chuyển thùng hộp>Máy vận chuyển dọc hai chiều dùng pa lăng xích nâng hạ Autolator AEF C
<Đối với vận chuyển thùng hộp>Máy vận chuyển dọc hai chiều dùng dây cáp nâng hạ Autolator AEF WR
<Đối với vận chuyển FOUF>Máy vận chuyển dọc hai chiều tốc độ cao dùng dây cáp nâng hạ Clean Autolator Dành riêng cho FOUF LDFF WR
<Đối với vận chuyển FOUF>Máy vận chuyển khay dọc liên tục dùng pa lăng xích nâng hạ Clean High-Tray Dành riêng cho FOUF HDFF C
<Đối với vận chuyển thùng hộp>Máy vận chuyển dọc và phân chia hàng dùng pa lăng xích nâng hạ High-Tray Kiểu dây đai và khay HBF C
<Đối với vận chuyển thùng hộp>Máy vận chuyển dọc và phân chia hàng dùng pa lăng xích nâng hạ High-Tray HTF C

~20kg	Khoảng 3,000 kiện/giờ	Kiểu nâng hạ dây đai	2 tầng
~30kg	*Khoảng 2,000 kiện/giờ	Kiểu nâng hạ pa lăng xích	2 tầng
~100kg	*Khoảng 1,600 kiện/giờ	Kiểu nâng hạ pa lăng xích	2 tầng
~80kg	Khoảng 500 kiện/giờ	Kiểu nâng hạ pa lăng xích	4 tầng
~60kg	Khoảng 150 kiện/giờ	Kiểu nâng hạ dây đai	4 tầng
~60kg	Khoảng 120 kiện/giờ	Kiểu nâng hạ pa lăng xích	4 tầng
~60kg	Khoảng 150 kiện/giờ	Kiểu nâng hạ dây cáp	4 tầng
~30kg	Khoảng 140 kiện/giờ (Vận chuyển 2 kiện)	Kiểu nâng hạ dây cáp	6 tầng
~15kg	Khoảng 400 kiện/giờ	Kiểu nâng hạ pa lăng xích	8 tầng
~20kg	Khoảng 1,500 kiện/giờ	Kiểu nâng hạ pa lăng xích	6 tầng
~50kg	Khoảng 500 kiện/giờ	Kiểu nâng hạ pa lăng xích	6 tầng

Kiện hàng trọng lượng trung bình

(Trọng lượng tiêu chuẩn 50~500kg)

V <Đối với vận chuyển thùng hộp>Máy vận chuyển dọc liên tục dùng pa lăng xích nâng hạ
Vertilator Kiểu P VEP11 **C**

A <Đối với vận chuyển thùng hộp>Máy vận chuyển dọc hai chiều dùng đai nâng hạ
Dây đai Autolator AEP **B**

<Đối với vận chuyển thùng hộp>Máy vận chuyển dọc hai chiều dùng pa lăng xích nâng hạ
Autolator AEP **C**

<Đối với vận chuyển thùng hộp>Máy vận chuyển dọc hai chiều dùng dây cáp nâng hạ
Autolator AEP **WR**

<Kiến hàng đa hình dạng>Máy vận chuyển tuần hoàn dọc
Tuần hoàn Autolator LZSW **C**

H <Đối với vận chuyển thùng hộp>Máy vận chuyển dọc và phân chia hàng dùng pa lăng xích nâng hạ
High-Tray HTP **C**

~200kg	*Khoảng 700 kiện/giờ	Kiểu nâng hạ pa lăng xích	2 tầng
~200kg	Khoảng 130 kiện/giờ	Kiểu nâng hạ dây đai	4 tầng
~200kg	Khoảng 120 kiện/giờ	Kiểu nâng hạ pa lăng xích	4 tầng
~200kg	Khoảng 150 kiện/giờ	Kiểu nâng hạ dây cáp	4 tầng
~500kg	Số lần vận chuyển: khoảng 20 lần/giờ	Kiểu nâng hạ pa lăng xích	3 tầng
~120kg	Khoảng 300 kiện/giờ	Kiểu nâng hạ pa lăng xích	6 tầng

Kiện hàng trọng lượng lớn

(Trọng lượng tiêu chuẩn 500~3.000kg)

V <Đối với vận chuyển bằng pallet>Máy vận chuyển dọc liên tục dùng pa lăng xích nâng hạ
Vertilator Kiểu W VKW **C**

<Đối với vận chuyển bằng pallet>Máy vận chuyển dọc liên tục dùng pa lăng xích nâng hạ
Vertilator Kiểu M VCM **C**

<Kiến hàng đa hình dạng>Máy vận chuyển tuần hoàn dọc
Tuần hoàn Autolator LZSH **C**

<Đối với vận chuyển bằng pallet>Máy vận chuyển dọc hai chiều điều khiển tiết kiệm năng lượng dùng pa lăng xích nâng hạ dành cho khu vực trần thấp
Phân tầng thấp Autolator V *Lắp đặt tiêu chuẩn "E-VEAS" hoặc "VEAS" AVWV **C**

<Đối với vận chuyển tự do ngoài Pallet>Máy vận chuyển dọc hai chiều điều khiển tiết kiệm năng lượng dùng pa lăng xích nâng hạ dành cho khu vực trần thấp
Phân tầng thấp Autolator V Quay vòng sàn AVNWV **C**

<Đối với vận chuyển tự do ngoài Pallet>Máy vận chuyển dọc hai chiều điều khiển tiết kiệm năng lượng dùng pa lăng xích nâng hạ dành cho khu vực trần thấp
Phân tầng thấp Autolator V Quay vòng sàn kiểu E AVEWV **C**

<Đối với vận chuyển bằng pallet>Máy vận chuyển dọc hai chiều điều khiển tiết kiệm năng lượng dùng pa lăng xích nâng hạ
Autolator V *Lắp đặt tiêu chuẩn "E-VEAS" hoặc "VEAS" AEWV **C**

<Đối với vận chuyển bằng pallet>Máy vận chuyển dọc hai chiều điều khiển tiết kiệm năng lượng dùng đai nâng hạ
Dây đai Autolator V *Lắp đặt tiêu chuẩn "E-VEAS" hoặc "VEAS" AEWV **B**

<Đối với vận chuyển tự do ngoài Pallet>Máy vận chuyển dọc hai chiều điều khiển tiết kiệm năng lượng dùng pa lăng xích nâng hạ
Autolator V Quay vòng sàn *Lắp đặt tiêu chuẩn "VEAS" AENWV **C**

<Đối với vận chuyển tự do ngoài Pallet>Máy vận chuyển dọc hai chiều điều khiển tiết kiệm năng lượng dùng pa lăng xích nâng hạ
Autolator V Quay vòng sàn kiểu E *Lắp đặt tiêu chuẩn "VEAS" AEEWV **C**

~1,440kg	*Khoảng 200 pallet/giờ	Kiểu nâng hạ pa lăng xích	2 tầng
~2,700kg	*Khoảng 180 pallet/giờ	Kiểu nâng hạ pa lăng xích	2 tầng
~1,000kg	Số lần vận chuyển: khoảng 19 lần/giờ	Kiểu nâng hạ pa lăng xích	3 tầng
~2,000kg	Khoảng 70 pallet/giờ	Kiểu nâng hạ pa lăng xích	6 tầng
~1,500kg	Số lần vận chuyển: khoảng 65 lần/giờ	Kiểu nâng hạ pa lăng xích	6 tầng
~1,500kg	Số lần vận chuyển: khoảng 65 lần/giờ	Kiểu nâng hạ pa lăng xích	6 tầng
~3,000kg	Khoảng 90 pallet/giờ	Kiểu nâng hạ pa lăng xích	8 tầng
~1,000kg	Khoảng 85 pallet/giờ	Kiểu nâng hạ dây đai	8 tầng
~2,000kg	Số lần vận chuyển: khoảng 75 lần/giờ	Kiểu nâng hạ pa lăng xích	8 tầng
~2,000kg	Số lần vận chuyển: khoảng 90 lần/giờ	Kiểu nâng hạ pa lăng xích	8 tầng

● Môi trường lắp đặt / trong nhà: Nhiệt độ môi trường 0~40°C (không ngưng sương) ● Đáp ứng với môi trường bình thường (kiểu nâng hạ dùng pa lăng xích thép / kiểu nâng hạ dùng dây cáp) ● Đáp ứng với môi trường sạch (không sương dầu / hạt kim loại) [Kiểu nâng hạ dùng đai nhựa] ○ Môi trường đặc biệt / ① Đáp ứng với môi trường nhiệt độ thấp (-5 đến -30°C) [Thông số kỹ thuật chịu nhiệt độ thấp] ② Đáp ứng như cầu vệ sinh [Thông số kỹ thuật toàn bộ thép không gỉ] ③ Đáp ứng với môi trường tạo ra khí nổ và bụi [Thông số kỹ thuật chống cháy nổ] ④ Đáp ứng môi trường sạch [Thông số kỹ thuật phòng sạch] *Thông số kỹ thuật khác nhau tùy thuộc vào cấp độ sạch được yêu cầu.

■ Kết cấu đa tầng / 2-8 tầng *Vi đây là kết cấu khung nên có thể lắp đặt ở những nơi không có vận thăng (trục chống cháy) nếu có thể thì công chống rung. (Có giới hạn về chiều cao máy) Tuy nhiên, nếu có lỗ mở trên sân thì cần kiểm tra khu vực chống cháy. ○ Thông số kỹ thuật đặt hàng đặc biệt / ① Trường hợp vượt quá tầng tối đa [Thông số kỹ thuật bổ sung về cơ khí và điều khiển] ② Trường hợp chiều cao thân thiết bị vượt quá chiều cao tối đa [Thông số kỹ thuật tăng cường khung thân chính] ③ Trường hợp vận chuyển tải trọng siêu nặng (hơn 3 tấn) [Thông số kỹ thuật tăng cường chịu tải] ④ Trường hợp lắp đặt ngoài trời liên kết với tòa nhà [Thi công ngoài trời ngoài trời]

* Số liệu của vận chuyển kiểu Z. Trong trường hợp vận chuyển kiểu C, công suất bằng khoảng một nửa.

Dòng sản phẩm VTS - Sơ đồ phân loại thiết bị

Hệ thống vận chuyển dọc (băng tải dọc) là gì?

Đây là cơ cấu vận chuyển dành riêng cho hàng hóa với tuyến vận chuyển theo phương thẳng đứng, có kết cấu bao gồm bộ phận vận chuyển dọc (bộ phận chính thực hiện công năng vận chuyển dọc) có gắn cơ cấu nâng hạ cụm tiếp nhận tải trọng, và bộ phận vận chuyển ngang (băng tải xếp/dỡ hoặc thiết bị xếp/dỡ) có gắn cơ cấu xuất nhập hàng để bốc dỡ hàng hóa từ cụm tiếp nhận tải trọng. Đây là các thiết bị vận chuyển đồng bộ với chế độ điều khiển tự động. ※Thiết bị được thiết kế chuyên dùng cho hàng hóa, **không để chở người**.



※Các thiết bị được giới thiệu trong sơ đồ phân loại này không phải là toàn bộ các chủng loại thiết bị.

- Hình dạng/trọng lượng tiêu chuẩn của kiện hàng được vận chuyển
- Tên phân loại theo tiêu chuẩn JIS (loại thiết bị, tên sản phẩm)
- Chức năng theo phân loại thiết bị và tên sản phẩm/mã cơ bản
- Dòng sản phẩm VTS

■Kiện hàng trọng lượng nhẹ

(Trọng lượng tiêu chuẩn ~50kg)

Tên phân loại theo tiêu chuẩn JIS: băng tải trượt dọc
Tên thiết bị: Máy vận chuyển dọc liên tục
Tên sản phẩm: VERTILATOR

Tên phân loại theo tiêu chuẩn JIS: băng tải đai hai chiều
Tên thiết bị: Máy vận chuyển dọc hai chiều
Tên sản phẩm: AUTOLATOR

Tên phân loại theo tiêu chuẩn JIS: băng tải khay dọc và phân chia hàng
Tên thiết bị: Máy vận chuyển dọc và phân chia hàng
Tên sản phẩm: HIGH-TRAY

<Đai với vận chuyển thùng hộp>Máy vận chuyển dọc liên tục dùng đai nâng hạ	VBS14 [B]
Dây đai Vertilator	
<Đai với vận chuyển thùng hộp>Máy vận chuyển dọc liên tục dùng pa lăng xích nâng hạ	VES11 [C]
Vertilator Kiểu S	
<Đai với vận chuyển thùng hộp>Máy vận chuyển dọc liên tục dùng pa lăng xích nâng hạ	VEF11 [C]
Vertilator Kiểu F	
<Đai với vận chuyển thùng hộp>Máy vận chuyển dọc liên tục dùng pa lăng xích nâng hạ và có thể lựa chọn tuyến vận chuyển	VSVF [C]
Kiểu đa tầng Vertilator	
<Đai với vận chuyển thùng hộp>Máy vận chuyển dọc hai chiều dùng đai nâng hạ	AEF [B]
Dây đai Autolator	
<Đai với vận chuyển thùng hộp>Máy vận chuyển dọc hai chiều dùng pa lăng xích nâng hạ	AEF [C]
Autolator	
<Đai với vận chuyển thùng hộp>Máy vận chuyển dọc hai chiều dùng dây cáp nâng hạ	AEF [WR]
Autolator	
<Đai với vận chuyển FOUF>Máy vận chuyển dọc hai chiều tốc độ cao dùng dây cáp nâng hạ	LDFD [WR]
Clean Autolator Dành riêng cho FOUF	
<Đai với vận chuyển FOUF>Máy vận chuyển khay dọc liên tục dùng pa lăng xích nâng hạ	HDFD [C]
Clean High-TRAY Dành riêng cho FOUF	
<Đai với vận chuyển thùng hộp>Máy vận chuyển dọc và phân chia hàng dùng pa lăng xích nâng hạ	HBF [C]
High-TRAY Kiểu dây đai và khay	
<Đai với vận chuyển thùng hộp>Máy vận chuyển dọc và phân chia hàng dùng pa lăng xích nâng hạ	HTF [C]
High-TRAY	

■Kiện hàng trọng lượng trung bình

(Trọng lượng tiêu chuẩn 50~500kg)

Tên phân loại theo tiêu chuẩn JIS: băng tải trượt dọc
Tên thiết bị: Máy vận chuyển dọc liên tục
Tên sản phẩm: VERTILATOR

Tên phân loại theo tiêu chuẩn JIS: băng tải đai hai chiều
Tên thiết bị: Máy vận chuyển dọc hai chiều
Tên sản phẩm: AUTOLATOR

Tên phân loại theo tiêu chuẩn JIS: băng tải khay dọc và phân chia hàng
Tên thiết bị: Máy vận chuyển dọc và phân chia hàng
Tên sản phẩm: HIGH-TRAY

<Đai với vận chuyển thùng hộp>Máy vận chuyển dọc liên tục dùng pa lăng xích nâng hạ	VEP11 [C]
Vertilator Kiểu P	
<Đai với vận chuyển thùng hộp>Máy vận chuyển dọc hai chiều dùng đai nâng hạ	AEP [B]
Dây đai Autolator	
<Đai với vận chuyển thùng hộp>Máy vận chuyển dọc hai chiều dùng pa lăng xích nâng hạ	AEP [C]
Autolator	
<Đai với vận chuyển thùng hộp>Máy vận chuyển dọc hai chiều dùng dây cáp nâng hạ	AEP [WR]
Autolator	
<Kiện hàng dạng hình dạng>Máy vận chuyển tuần hoàn dọc	LZSW [C]
Tuần hoàn Autolator	
<Đai với vận chuyển thùng hộp>Máy vận chuyển dọc và phân chia hàng dùng pa lăng xích nâng hạ	HTP [C]
High-TRAY	

■Kiện hàng trọng lượng lớn

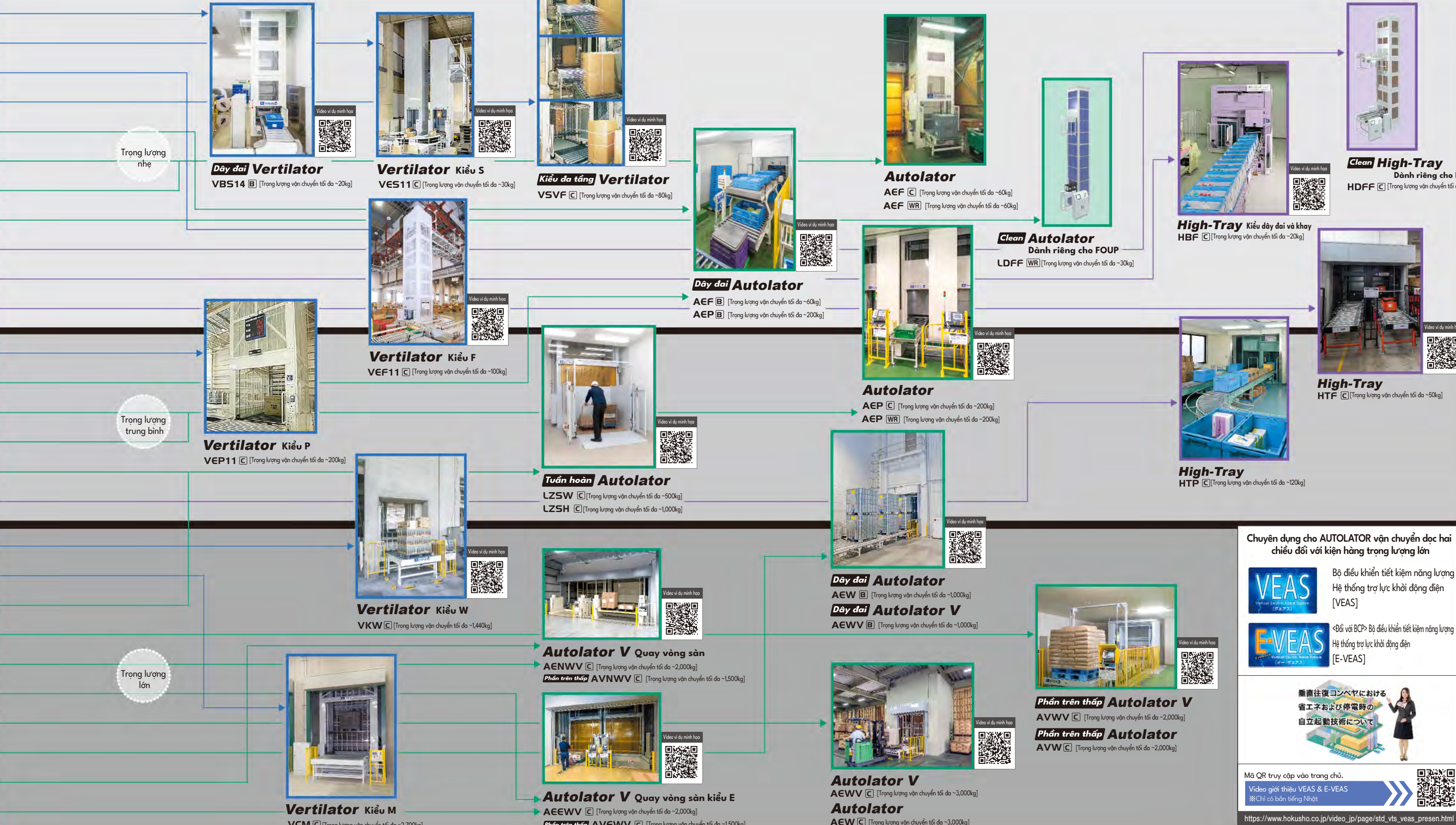
(Trọng lượng tiêu chuẩn 500~3.000kg)

Tên phân loại theo tiêu chuẩn JIS: băng tải trượt dọc
Tên thiết bị: Máy vận chuyển dọc liên tục
Tên sản phẩm: VERTILATOR

Tên phân loại theo tiêu chuẩn JIS: băng tải đai hai chiều
Tên thiết bị: Máy vận chuyển dọc hai chiều
Tên sản phẩm: AUTOLATOR

Tên phân loại theo tiêu chuẩn JIS: băng tải khay dọc và phân chia hàng
Tên thiết bị: Máy vận chuyển dọc và phân chia hàng
Tên sản phẩm: HIGH-TRAY

<Đai với vận chuyển băng pallet>Máy vận chuyển dọc liên tục dùng pa lăng xích nâng hạ	VKW [C]
Vertilator Kiểu W	
<Đai với vận chuyển băng pallet>Máy vận chuyển dọc liên tục dùng pa lăng xích nâng hạ	VCM [C]
Vertilator Kiểu M	
<Kiện hàng dạng hình dạng>Máy vận chuyển tuần hoàn dọc	LZSH [C]
Tuần hoàn Autolator	
<Đai với vận chuyển băng pallet>Máy vận chuyển dọc hai chiều điều khiển tiết kiệm năng lượng dùng pa lăng xích nâng hạ dành cho khu vực trên thấp	AVVW [C]
Phân trên thấp Autolator V *Lắp đặt tiêu chuẩn "E-VEAS" hoặc "VEAS"	
<Quang cụ vận chuyển tự do ngoài Pallet>Máy vận chuyển dọc hai chiều điều khiển tiết kiệm năng lượng dùng pa lăng xích nâng hạ dành cho khu vực trên thấp	AVNWV [C]
Phân trên thấp Autolator V Quay vòng sàn *Lắp đặt tiêu chuẩn "E-VEAS"	
<Quang cụ vận chuyển tự do ngoài Pallet>Máy vận chuyển dọc hai chiều điều khiển tiết kiệm năng lượng dùng pa lăng xích nâng hạ	AEVW [C]
Phân trên thấp Autolator V Quay vòng sàn kiểu E *Lắp đặt tiêu chuẩn "E-VEAS"	
<Đai với vận chuyển băng pallet>Máy vận chuyển dọc hai chiều điều khiển tiết kiệm năng lượng dùng pa lăng xích nâng hạ	AEVW [B]
Dây đai Autolator V *Lắp đặt tiêu chuẩn "E-VEAS" hoặc "VEAS"	
<Đai với vận chuyển băng pallet>Máy vận chuyển dọc hai chiều điều khiển tiết kiệm năng lượng dùng pa lăng xích nâng hạ	AEVW [C]
Autolator V Quay vòng sàn *Lắp đặt tiêu chuẩn "E-VEAS"	
<Quang cụ vận chuyển tự do ngoài Pallet>Máy vận chuyển dọc hai chiều điều khiển tiết kiệm năng lượng dùng pa lăng xích nâng hạ	AEVW [C]
Autolator V Quay vòng sàn *Lắp đặt tiêu chuẩn "E-VEAS"	
<Quang cụ vận chuyển tự do ngoài Pallet>Máy vận chuyển dọc hai chiều điều khiển tiết kiệm năng lượng dùng pa lăng xích nâng hạ	AEVW [C]
Autolator V Quay vòng sàn kiểu E *Lắp đặt tiêu chuẩn "E-VEAS"	



● Môi trường lắp đặt / trong nhà: Nhiệt độ môi trường 0~40°C (không đóng sương) ● Đáp ứng với môi trường bình thường (kiểu nâng hạ dùng pa lăng xích thép / kiểu nâng hạ dùng dây cáp) ● Đáp ứng với môi trường sạch (không sương dầu / mặt kim loại) [Kiểu nâng hạ dùng đai nhựa] ○ Môi trường đặc biệt / ①Đáp ứng với môi trường nhiệt độ thấp (-5 đến -30°C) [Thông số kỹ thuật chịu nhiệt độ thấp] ②Đáp ứng nhu cầu vệ sinh [Thông số kỹ thuật toàn bộ thép không gỉ] ③Đáp ứng với môi trường tạo ra khí nổ và bụi [Thông số kỹ thuật chống cháy nổ] ●Đáp ứng môi trường sạch [Thông số kỹ thuật phòng sạch] ※Thông số kỹ thuật khác nhau tùy thuộc vào cấp độ sạch được yêu cầu.

Chuyên dụng cho AUTOLATOR vận chuyển dọc hai chiều đối với kiện hàng trọng lượng lớn

Bộ điều khiển tiết kiệm năng lượng Hệ thống trợ lực khởi động điện [VEAS]

<Đi với BCP> Bộ điều khiển tiết kiệm năng lượng Hệ thống trợ lực khởi động điện [E-VEAS]

垂直往復コンベヤにおける省エネおよび停電時の自立起動技術について

Mã QR truy cập vào trang chủ.
Video giới thiệu VEAS & E-VEAS
※Chỉ có bản tiếng Nhật

https://www.hokusho.co.jp/video_jp/page/std_vts_veas_present.html

Thông tin mới nhất trên web



Mã QR truy cập vào trang chủ.

Trang chủ bằng tiếng Việt - Trang đầu



<https://www.hokusho.co.jp/vn/>

Cửa hàng



Tạo ra dòng chảy tối ưu của hàng hóa

HOKUSHO CO., LTD.

<https://www.hokusho.co.jp/vn/>

Trụ sở chính

TEL: +81-76-267-3111 (Tổng đài) FAX: +81-76-268-2241
E-6 Shimenomachi, Kanazawa-shi, Ishikawa-ken, 920-8711 Japan

Nhà máy Hakusan

TEL: +81-76-275-7711 (Tổng đài) FAX: +81-76-275-7171
3-17 Asahigaoka, Hakusan-shi, Ishikawa-ken, 924-0004 Japan

Chi nhánh Tokyo

TEL: +81-3-5719-7011 (Tổng đài) FAX: +81-3-5719-7017
5F Mitsumura Building, 1-15-9 Osaki, Shinagawa-ku, Tokyo, 141-0032 Japan

Trạm dịch vụ Tokyo

TEL: +81-3-5719-7012 (Trực tiếp) FAX: +81-3-5719-7017
5F Mitsumura Building, 1-15-9 Osaki, Shinagawa-ku, Tokyo, 141-0032 Japan

Chi nhánh Osaka/Trạm dịch vụ Osaka

TEL: +81-6-6543-2771 (Tổng đài) FAX: +81-6-6543-2776
4F Shinanobashi Fuji Building, 1-3-10 Nishihonmachi, Nishi-ku,
Osaka-shi, Osaka-fu, 550-0005 Japan

Chi nhánh Nagoya/Trạm dịch vụ Nagoya

TEL: +81-52-932-2781 (Tổng đài) FAX: +81-52-932-2920
7F Sun Ace Tokugawa Building, 1-901 Tokugawa, Higashi-ku,
Nagoya-shi, Aichi-ken, 461-0025 Japan

Chi nhánh Hokuriku/Trạm dịch vụ Hokuriku

TEL: +81-76-267-3333 FAX: +81-76-267-3317
E-6 Shimenomachi, Kanazawa-shi, Ishikawa-ken, 920-8711 Japan

Văn phòng kinh doanh Kanagawa/Trạm dịch vụ Kanagawa

TEL: +81-46-231-3212 (Tổng đài) FAX: +81-46-231-3985
2F Shizuoka Fudosan Ebina Building, 3-3-14 Chuo,
Ebina-shi, Kanagawa-ken, 243-0432 Japan

Trạm dịch vụ Hokkaido (Sapporo Machine Maintenance Co., Ltd.)

TEL: +81-11-215-4341 FAX: +81-11-215-4342
3-2-25-103 Yonesato1jo, Shiroishi-ku, Sapporo-shi,
Hokkaido 003-0871 Japan

Trạm dịch vụ Sendai

TEL: +81-22-226-8090 FAX: +81-22-226-8091
310 Esberanza 102A, 4-4-51 Kagitori, Taihaku-ku,
Sendai-shi, Miyagi-ken, 982-0804 Japan

Trạm dịch vụ Chugoku/Shikoku (MATEX Co., Ltd.)

TEL: +81-84-963-8663 FAX: +81-84-962-0082
22-5 Jukukenya, Kannabe-cho, Fukuyama-shi, Hiroshima-ken, 720-2106 Japan

Văn phòng Kyushu

TEL: +81-92-718-3321 FAX: +81-92-718-3323
B421 Grand Park Tenjin, 1-8-26 Maizuru, Chuo-ku,
Fukuoka-shi, Fukuoka-ken, 810-0073 Japan

Trạm dịch vụ Kyushu (TANAKA Co., Ltd.)

TEL: +81-940-62-5485 FAX: +81-940-62-5486
996-5 Takemaru, Munakata-shi, Fukuoka-ken, 811-4152 Japan

Bộ phận kinh doanh nước ngoài

TEL: +81-3-5719-7016 FAX: +81-3-5719-7017
5F Mitsumura Building, 1-15-9 Osaki, Shinagawa-ku, Tokyo, 141-0032 Japan

HOKUSHO SHANGHAI CO., LTD. (Thượng Hải)

TEL: +86-21-6236-0687 FAX: +86-21-6236-0917
Room 1405, New Town Center, No.83 Loushanguan Road,
Shanghai, 200336 China

<https://www.hokusho-cn.com>

HOKUSHO KOREA CO., LTD.

TEL: +82-2-565-4521 FAX: +82-2-565-4522
HOKUSHO KOREA TOWER 16FL., 15, Teheran-ro 88-gil, Gangnam-gu,
Seoul, 06180 Republic of Korea

<http://www.hokusho.co.kr>

※Đơn vị phát hành: Hokusho Co., Ltd. - Phòng kinh doanh
※Nghiem cấm sao chép, sửa đổi và sử dụng trái phép một phần hoặc toàn bộ nội dung.
※Xin lưu ý rằng thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không thông báo trước.

